

KHỞI TÍN LUẬN SỚ BÚT SẢO KÝ

QUYỂN 9

- **GIẢI THÍCH TÊN BẢN GIÁC:** Số có hai.

a. Theo văn giải thích riêng:

Ý gạn rằng: Hai là phản trái thành nạn mà thật không hai. Bốn số nói: “Tiến lùi thành nạn”.

Do đối v.v..., ở sau nói: “Nên biết pháp nhiệm, pháp tịnh đều đối đãi nhau” Nay đây đứng về mặt đối lại ở chỗ mới phát sinh, lập làm cái sẵn có. Vì thỉ giác từ lúc tu mới phát sinh, tánh bản giác vốn tự sẵn có. Do đó đối lại Thỉ để lập Bốn.

Lại do, v.v... trở xuống, đứng về nghĩa riêng để giải thích, trước đối với Thỉ gọi là Bốn. Nay ở chỗ phát sinh Thỉ mà gọi là Bốn, vốn Thỉ giác kia là gốc phát sinh, nhân bên trong huân tập, bên ngoài nhờ năng lực của duyên, sáng rõ mà có nên gọi là Thỉ. Sinh ở Thỉ nên gọi là Bốn. Nếu không có chỗ phát sinh thì cũng không gọi là Bốn. Như người nữ sinh con mới được gọi là Mẹ.

Nói về nguyên do tên gọi giác:

Do đến, v.v... trở xuống: ở đây nói chỉ nguyên do tên gọi giác. Do thỉ bốn đã hợp thì không hai tướng, không hai tướng nên chỉ là một giác. Văn sau nói: “Cũng chẳng khác thỉ giác”. Do bốn tướng xưa nay bình đẳng đồng một giác”.

Lại đây v.v... trở xuống là đứng về mặt riêng để giải thích nghĩa riêng.

Đoạn trước là nói lý do Nhất giác. Đây là nói lý do Thỉ giác. Ý nói đoạn này văn luận là nói về Thỉ giác. Vì nương Bốn khởi Thỉ, Thỉ lại đồng Bốn, nên gọi Thỉ giác. Do thỉ được giác vô niệm gọi là chân thỉ giác. Ở trước tuy cũng tên thỉ giác, vì chưa lìa niệm vẫn gọi là bất giác, hoặc lập tướng tương tự theo phần giống tên, đến đây niệm hết đã giác tướng ban đầu, nên gọi Thỉ giác. Nên biết ngay đây đợi hợp nguồn tâm bản giác, nên gọi là cứu cánh giác. Tướng trí tịnh đều đồng Thỉ giác.

- **Hỏi đáp trái nghĩa:**

Hỏi: Nếu v.v... trở xuống là hỏi đáp trái ngược.

Khác chẳng thành thử, do trước nói: “Là chỗ thành của bốn, nên dung đồng bốn thể mới gọi Thử giác”.

Đồng chẳng thành thử, do trước nói: “Khi đến nguồn tâm, thử bốn không hai, bình đẳng một tướng, không có đối đãi nhau. Đồng khác cả hai đều lập, tại sao nói đối lại thử để lập bốn? Ở đây hỏi nhân thứ lớp trong văn của số từ trước đến nay. Ý đáp, ngày xưa bất giác mà nay mới giác. Nếu tốt thể kia cùng bốn chẳng khác, là theo nghĩa đối đãi của môn Sinh diệt, gọi là Thử và Bốn.

Hình vốn bất giác: hình vốn giác nên đặt tên là thử, hình bất giác nên đặt tên là giác. Nếu đến nguồn tâm đã thuộc môn chân như, chẳng đồng nạn vẫn ở trước.

Mà thật là thử giác, v.v..., không có hình duyên nhiệm bất giác đối đãi, nên không gọi là Giác; với bình đẳng chẳng khác bốn, nên không gọi là Thử. Chỉ gọi là Chân như, không gọi là Bản giác thử giác. Do đó trong môn chân như chỉ hiển bày ở thể, không hiển bày ở tướng dụng.

b. Thử giác: Số Nói khởi, v.v... là nói về Thử giác, Văn tuy ở sau mới nói, nhưng cũng không ngoài sự uyển chuyển tìm tòi nguyên nhân nguồn gốc của bản giác. Do mê bản giác mới có vọng niệm, vọng niệm tức là bất giác. Trước nương Như Lai tạng có tâm sinh diệt, sau nương giác nên có mê v.v... Như nương người chẳng ngủ mà có người ngủ.

Luận: Nương bất giác mà có thử giác, như nương người ngủ mới có người thức. Số có ba.

- Giải thích riêng văn:

Bản giác, v.v..., sau là nói: “Do có pháp chân như nên luân tập vô minh, do huân tập nên khiến vọng tâm chán khổ sinh tử, cầu vui Niết-bàn...”

Rốt ráo đồng bốn v.v..., ở sau nói: “Mà thật không khác Thử giác, xưa nay bình đẳng đồng một giác.”

Văn sau dẫn chứng: Tức trong văn bản giác theo nhiệm, đây là bản giác lia nhiệm mới được tịnh, gọi là thử giác.

- Nói chung về ý luận:

Văn này v.v... trở xuống là nói chung về ý luận, như người thích ngủ mới thành người ngủ, người ngủ thành người thức, ở đây nói lần lượt thành lập.

Thử giác đồng bốn v.v... trở xuống là nói lần lượt dứt hẳn. Như người thức đồng người ưa thích, do đồng người ưa thích tức không có người ngủ, không có người ngủ tức không có người thức, không có người

thức tức không có người ưa thích, không có người ưa thích nên bình đẳng, bình đẳng cũng không thật có.

Nói bình đẳng: thì bốn chẳng khác, lại nói có hai ý:

Thỉ giác và bản giác bình đẳng, thì tức bốn, Bản giác bình đẳng với bất giác, bất giác tức bản giác.

Bốn thì bất giác rốt ráo không khác nhau, vốn tự bình đẳng. Lại, sai biệt bình đẳng cũng lại bình đẳng.

Lìa ngôn ngữ: muốn nói thể thỉ giác đồng bốn, muốn nói bản giác không có chỗ đối. Muốn nói thể bất giác không có chỗ đối, nói thể bất giác tức giác. Lời nói không đến được, nên nói lìa ngôn ngữ. Do lìa ngôn ngữ nên không có tướng để được. Chỗ tâm hành diệt, nên nói dứt suy nghĩ. Đây là dứt hẳn đồng môn chân như.

- Kết thúc chỉ bày:

Cho nên v.v... trở xuống là tổng kết chỉ bày.

Viên dung, viên nhiếp cả nhiễm tịnh, dung thông giác và bất giác trở về một thể thanh tịnh rộng rang, không còn hệ lụy, ở giữa mê và giác không trụ trước vào một bên nào, nên nói là không nương.

Hướng chi có ba thân khác nhau: Vì ba thân do thỉ bốn mà thành, thỉ bốn đã không lập, thì đâu có ba thân khác nhau, ở đây phân biệt quyền giáo quyết định nói ba thân sau biệt, ở trong đó có chia ra vi và vô vi, riêng khai với ba thường khác.

Chỉ theo v.v... trở xuống là giải thích nghi.

Hoặc nói v.v... trở xuống là nói nghiệp tướng không thể nghĩ bàn duyên huân tập gương báo thân, ứng thân. Lại nói: “Vô minh tất cả có nghiệp không thể nghĩ bàn, hay hiện thân ở khắp mười phương làm lợi ích chúng sinh. Đây đâu chẳng phải là dụng của báo hóa, vì sao nói không có ba thân? nên ở đây giải thích. Chỉ đứng về mặt căn cơ thấy có khác, gọi là thân báo hóa. Nếu đứng về mặt quả thật không có thân để nói. Văn sau tức dụng đại của chân như, văn nói: “chư Phật, Như Lai chỉ là Pháp thân là thân trí tướng, là pháp nghĩa đế bậc nhất không có thể để để thấy, chỉ theo chúng sinh thấy nghe được lợi ích, nên nói là dụng.

- Khoa thỉ giác:

Cũng có thể ở trước lược nói về thể thỉ giác, nay nói rộng tướng Thỉ giác, sau thì chẳng khác bốn, tức kết tướng đồng thể.

Nêu nhân quả. Sơ: Tâm nhiễm, tức sáu tâm nhiễm.

Tánh tịnh, tức Như Lai tạng. Do tịnh như thành nhiễm, nên nói tịnh làm nguồn nhiễm. Sau nói: “Tâm này xưa nay tự tánh thanh tịnh,

mà có vô minh vì vô minh làm nhiễm mà có tâm nhiễm kia”.

Tướng thô, tức hai tướng chuyển thức và hiện thức và sáu thô, v.v... Chuyển và niệm cũng là thô trong tế, đều là tướng thô.

Tướng sinh tức nghiệp tướng, vọng trong đó rất tế, do thô từ tế mà sinh, nói tế làm nguồn thô. Nên văn sau nói: “Tế trong thô, thô trong tế là cảnh giới Bồ-tát, tế trong tế là cảnh giới Phật”. Tuy nhiên, nói nguồn tâm, trong số có hai giải thích, đầu tiên là giải thích Y sĩ thích, kế là giải thích Y sĩ thích, trì nghiệp thích. Hoặc có thể tâm tịnh tức nguồn, là trì nghiệp thích. Đây giải thích cùng số ban đầu giải thích, đều tốt chỗ sở chứng, kế là giải thích của số là tốt chỗ dứt. Hai chữ nguồn tâm này chung nơi chân vọng. Chữ Giác tức là thi giác, Thi giác đến nơi tướng sinh, tướng sinh đủ để dứt trừ. Thi giác đến nơi tánh tịnh, tánh tịnh đủ để thâm hợp. Văn sau nói: “Giác (thi giác) tâm (tánh tịnh) mới khởi (tướng sinh) tâm (thần hợp). Không có tướng ban đầu (dứt trừ) để xa lìa niệm vi tế (chỗ dứt ở trên) được thấy tâm tánh. Tâm tức thường trụ (chú thích hợp ở trên) gọi là giác rốt ráo (năng sở đã hợp, đặt riêng tên này).

Con đường thi giác viên mãn: con đường tức nghĩa nhân đến trong địa vị này, nhân viên mãn thành quả, bốn thi chẳng khác, gọi là cứu cánh giác, tức Phật địa.

Chẳng rõ v.v..., có chỗ ngăn cách của tướng sinh.

Kim cương, v.v..., Kim cương dụ cho định Vô gián, trở lại cho đến tất cả dị sinh, tức văn sau theo phần tướng tự và bất giác, v.v... Ở đây rốt ráo là Quả, chẳng rốt ráo là Nhân.

Số: Ba tướng trước, là diệt, dị, trụ. Giác ba tướng này rồi gọi là chẳng rốt ráo. Một tướng sau tức tướng sinh, tốt tướng này gọi là rốt ráo. Đây đứng về mặt ngược dòng nên tướng sinh ở sau, nếu đứng về mặt thuận dòng thì tướng diệt ở sau.

Khoa hiển bày bốn vị: Ở đây đồng bốn quả: Viên giác, phàm hiển, thánh. Hoặc khai làm năm vị là Tư lương, Gia hạnh, Thông đạt, Tu tập, Rốt ráo. Hoặc bao gồm ba, nghĩa là Tín hạnh, Tịnh tâm, Rốt ráo. rộng tức năm mươi hai vị, số có ba:

- **Trình bày chung ý văn.** Văn có bảy:

Lược nêu đại ý: Thô thì tướng diệt, tế thì tướng sinh, trung gian hưởng về thô chung lẫn nhau.

Nương tế hiển bày v.v..., nương gá bốn tướng trần lao ở trên, để làm rõ phần hạn công lực của thi giác, là đối với thô tế sở giác, nói chỗ cạn sâu của năng giác.

Giản trạch bốn tướng, nhưng đây v.v... trở xuống là ý hiển bày

chân tâm theo vô minh huân, từ tế đến thô, từ hoặc đến nghiệp. Nương hoặc nghiệp trên đây nói làm bốn nghĩa chính là một thời kỳ của bốn tướng.

Chẳng đứng về mặt v.v..., trong một sát-na tuy có bốn tướng, chẳng phải nay mới phân biệt chỗ giải thích.

Giải thích nghĩa bản giác. Nay do v.v... trở xuống, có hai:

Nêu lên: Như văn.

Giải thích văn. Có hai:

Chung: Có ba:

Trình bày chung khởi vọng, có hai:

Trình bày nguồn gốc, chữ cúc là tốt cùng, chữ Phù là lời nói mở đầu. Nghĩa là tốt cùng nguyên do bốn tướng này, vốn do tâm mê mà thành, hoặc hai chữ đều là phát ngữ.

Tâm tánh v.v... trở xuống là trình bày chỗ mê tâm thể, tức môn chân như, như văn trước nói: “Bởi vì tâm tánh chẳng sinh chẳng diệt, cho đến là tâm duyên tướng”.

Mà có v.v... trở xuống là nói do mê thành Sinh diệt, tức môn sinh diệt. Như trước nói: “Nương Như Lai tạng có tâm Sinh diệt, v.v...”

Dẫn chứng: Kinh nói v.v... trở xuống, là dẫn chứng. Ban đầu là Niết-bàn, như ở trước dẫn chứng. Lại, kinh tức Pháp thân chẳng thêm chẳng bớt. Kinh ấy nói: “Ngay nơi Pháp thân này vượt hơn hằng hà sa. Vô biên phiến não trói buộc từ vô thủy đến nay thuận theo lượn sóng thế gian, trôi nổi qua lại trong sinh tử, gọi là Chúng sinh, nay sơ lược dẫn đại khái.

Dưới đây v.v... trở xuống, tức bản giác theo nhiệm trong văn.

Phối hợp chung bốn tướng: Nay v.v ... trở xuống, như văn.

Dẫn luận giải thích thành:

Phật tánh v.v... trở xuống là dẫn luận giải thích thành, luận kia nói mỗi hữu vi đều là chỗ đời đời của bốn tướng, để dẫn chứng luận một thời kỳ của bốn tướng.

Riêng: riêng, v.v... trở xuống, có hai:

Lược phối hợp văn sau:

Về địa vị v.v..., tức đem bốn tướng giác này, đối với văn sáu nhiệm ở sau. Tức biết bốn tướng này riêng mỗi tướng thành nhiều ít khác nhau. Như văn sau nói: “Một, chấp tướng ứng nhiệm, nương Nhị thừa giải thoát và địa vị xa lìa của tín tướng ứng”, tức là văn này như người Nhị thừa quán trí Bồ-tát sơ phát tâm giác ở nơi tướng, niệm khác, niệm không khác. Văn sau nói đủ: Hai, chẳng đoạn tướng ứng nhiệm, nương địa vị tín

tương ứng, phương tiện tu học dần dần xả được tâm địa tịnh lia rất ráo”. Cho đến “Năm là tâm năng chẳng tương ứng nhiễm, nương địa vị tâm tự tại để xa lia”.

Bốn nhiễm trên đây tức là văn này nói: “Bồ-tát Pháp thân giác ở nơi niệm trụ, niệm không có tướng trụ, v.v...”. Lại, văn sau nói: “Sáu là, nghiệp căn bản chẳng tương ứng nhiễm, nương địa vị tột cùng của Bồ-tát được vào địa vị Như Lai, có thể xa lia”. Tức là văn này như Bồ-tát địa tận, đầy đủ phương tiện, một niệm tương ứng giác tâm ban đầu khởi, tâm không có tướng ban đầu. Do đây đối với kia đủ thấy bốn tướng nghĩa riêng biệt, chỉ vì kia đứng về mặt tịnh trí trái nhiễm, một mặt ở nói theo con đường phiền não, nên không nói ở tướng diệt.

Văn nay đứng về mặt giác khởi đầu cuối. Luận có đủ nên nói chung bốn tướng. Theo Hải Đông sơ phối hợp. Sinh tướng có ba là ba tế; Trụ tướng có bốn bốn hoặc cửa là ý thức; Di tướng có sáu, tức sáu phiền não căn bản, diệt tướng có bảy tức thân ba, miệng bốn. Nhưng, chỗ nói pháp thể kia có đồng, chỉ khai hợp có khác. Nay sơ ngay nơi luận mà nói, vì phải yếu thuận tông, nên không bỏ gần mà lấy xa.

Giải thích rộng: Tướng sinh v.v... trở xuống, có bốn:

- Nghiệp tướng:

Nghiệp tướng, là nêu tên.

Nghĩa là do v.v... trở xuống là giải thích tướng

Do vô minh v.v... trở xuống là tổng kết thành. Tiêu biểu ở đây trước không, nên gọi là tướng sinh,

Sâu xa, v.v... trở xuống là khen ngợi riêng.

Văn sau v.v... trở xuống, là dẫn chứng. Tức nhân duyên sinh diệt trong văn.

Tức văn sau v.v... trở xuống là nhiếp loại. Một chữ Tức đầu là nghiệp tướng, chữ “Tức” sau là nghiệp căn bản chẳng tương ứng nhiễm, tức thứ nhất là nghiệp thức.

Đây, v.v... trở xuống là đều tổng kết. Chỉ do cái gọi là môn khác nhau mà pháp thể là một, nên đều thu nhiếp.

Vì môn khác nhau, chín tướng là nói về bất giác. Năm ý sáu nhiễm là nói về nhân duyên sinh diệt, chỉ năm ý là nhân duyên sinh, sáu nhiễm là nhân duyên diệt.

Do nghĩa khác, là danh tự khác nhau, và chỗ nói cũng riêng. Do thể đồng nên nhiếp thông. Các đoạn sau nêu, giải thích, tổng kết, nhiếp, nêu lên ở đây.

- Trụ tướng:

Trụ tướng v.v... trở xuống, là trụ tướng.

Đây hai, v.v..., ba tế trở lên là ba thứ tâm bất tương ứng, thuộc về bốn thức.

Đây cả hai đều ở, v.v..., đây là tế trong thô, thuộc về sự thức.

Vô minh, v.v..., tổng kết thành. Rõ ràng chẳng đối, nên gọi là trụ vững chắc. Hai tướng sau là Chuyển tướng và Hiện tướng. Hai tướng đầu là Trí tướng và Tướng tục tướng. Bốn tướng sau là Chuyển thức, Hiện thức, Trí thức và Tướng tục thức. Bốn tướng giữa tức là Tâm năng kiến chẳng tương ứng nhiệm, chỗ hiện sắc chẳng tương ứng nhiệm, phân biệt trí tương ứng nhiệm và chẳng đoạn tương ứng nhiệm.

- Di tướng:

Nói Di v.v... trở xuống là tướng khác.

Đây ở, v.v..., hai tướng này là thô trong thô, thuộc về sự thức.

Vô minh, v.v..., vọng thô mê hoặc hiển bày hay phát tham sân ở thân miệng khác nhau, nên gọi là tướng dị.

Văn sau v.v... trở xuống là nhiếp loại. Hai tướng giữa là chấp thủ kế danh tự tướng, một tướng đầu là chấp tương ứng nhiệm. Để hợp hai tướng thành một nhiệm, Ý thức là thức của ý.

- Diệt tướng:

Nói diệt v.v... trở xuống là tướng diệt.

Diệt ở trước khác tâm, mê hoặc đến tột cùng vào trong nghiệp đạo. Như tướng diệt của Tiểu thừa là diệt tâm hiện tại, khiến nhập quá khứ.

Do vô minh, từ vi tế đến chấp trước, khởi mê hoặc tạo nghiệp, do nghiệp đã thành nên tâm chiêu cảm quả, việc một thời kỳ đã xong, nên gọi là khắp. Do hết khắp nên nói tướng diệt, chẳng cho rằng từ đây không khởi phiền não. Như người mưu tính việc, duyên đầy đủ việc xong, gọi là khắp hết.

Do quả v.v... trở xuống, có người hỏi rằng: Bốn tướng sinh v.v... đối với chín tướng đã thuộc tám tướng trước, tại sao không nhiếp nghiệp hệ khổ tướng? nên ở đây giải thích. Ý nói rằng: Nhân chưa tạo là không tạo, đã tạo là chuyển diệt, tức nghĩa có thể dứt. Nếu đến rồi quả báo sẽ lãnh thọ, tức không thể dứt. Như đã đến địa ngục chắc chắn phải lãnh thọ. Nên Phật khiến biết khổ dứt tập, không để dứt khổ, là ý này vậy. Nay trong văn bỏ qua chẳng nói.

Tổng kết lời trước:

Nói thứ sáu, tức là thô sau cùng trong sáu thô.

Cho nên v.v... trở xuống là tổng kết ý nói ở trước. Chỉ một giác

mộng là dụ cho tâm. Như có một người (chân như) ngủ say (vô minh) nằm chiêm bao (nghiệp tướng), thấy (chuyển tướng) các thứ việc (hiện tướng) khởi tâm phân biệt (trí tướng) niệm niệm không xen hở, (tương tục tướng), ở trong chiêm bao khởi chấp trước sâu việc trái thuận (chấp thủ) là thiện là ác, là thân là sơ (kế danh tự). Đối với thiện, ở nơi thân thì các thứ nhân ái lợi lạc. Đối với ác, đối với sơ thì các thứ lẩn hiếp tổn giảm (khởi nghiệp). Hoặc có báo ân thọ vui, hoặc gặp trả thù chịu khổ (nghiệp hệ khổ tướng). Bồng dưng thức giấc, mọi việc trên đều mất. Nên biết việc này chỉ là một tâm chiêm bao, đều do các pháp. Chín tướng hưng khởi đều nương vào năng lực này, như nương vào giấc ngủ có các việc chiêm bao.

Kinh nói v.v... trở xuống, là dẫn chứng, tức kinh Thắng-man. Kinh ấy chép: “Bạch Đức Thế tôn! như thế năng lực vô minh trụ địa, đối với hữu ái trong bốn trụ địa, vô minh trụ địa có năng lực rất lớn”. Đại luận chép: “Thí như mặt đất có năng lực cao siêu, đảm nhận giữ gìn bốn thứ, nên gọi là Trụ địa. Bốn thứ gồm: Một là biển lớn. Hai là các núi. Ba là cỏ cây. Bốn là chúng sinh. Vô minh cũng giống như vậy. Ở trong trụ địa thứ năm, đây là khó trừ nhất, nên biết năng lực rất lớn. Văn sau là văn cuối đều tổng kết chín tướng.

Y cứ lý dung nhiếp: Tuy lại v.v... trở xuống: trước là một đoạn văn của văn trước. Nghĩa là tế chẳng phải thô, hoặc chẳng phải nghiệp, pháp chấp chẳng phải ngã chấp, bốn thức chẳng phải sự thức, địa vị trước khác địa vị sau, nên nói giai cấp (thứ lớp).

Nhưng kia, v.v... trở xuống, nhiếp thô tế khác nhau kia lấy làm một niệm, nói một niệm có hai ý:

1/ Chỉ là một niệm vô minh. 2/ Một niệm sát-na.

Như một người bỗng gặp kẻ thù liền bị giết sát hại (khởi nghiệp). Như cho là người họ Trương hay người họ Vương. (Kế danh tự) quyết định nói đối với ta có mối thù (chấp thủ), tâm ác không xen hở (tương tục), phân biệt là thù chẳng phải thân (trí tướng). Kia vì chỗ thấy (hiện tướng) đã làm việc hay thấy (chuyển tướng), tâm niệm khởi động (nghiệp tướng), tức trong một niệm tám tướng đầy đủ. Nhưng, trong hai nghĩa thì chỉ cho nghĩa trước. Cũng có thể một niệm tức là nhất tâm. Văn sau nói: “Một niệm tương ưng” tức một niệm của vô niệm.

Nghĩa là thô v.v... trở xuống là xuất phát nguyên do, có người hỏi rằng: Đã có thô tế, trước sau khác nhau, vì sao nói là một niệm?. Nên ở đây giải thích: tuy có thô tế, v.v... khác nhau mà do một tâm tạo tác, đâu có tâm tại tướng diệt mà trong tướng sinh không tâm. Nếu nói không

thì sinh nương vào đâu? Cũng không thể chia một tâm này để ứng với bốn tướng. Tâm đã không thể phân, lại không có trước sau, làm sao bốn tướng có trước sau được?

Như ngoài có một giác chiêm bao, các việc là việc chiêm bao, tuy nhiều mà không có trước sau.

Nên nói v.v.... trở xuống, là dẫn chứng, như văn cuối của thí giác nói: “Thật không khác Thí giác, do bốn tướng có đồng thời, đều không tự lập, xưa nay bình đẳng đồng một giác.

Giải thông hàng phục vắn hỏi:

Nhưng chưa v.v... trở xuống là giải thông hàng phục vắn hỏi. Có người hỏi rằng: bốn tướng đã đồng thời tại sao giác có trước sau? nên ở đây giải thích.

Đạt nguồn tâm v.v... trở xuống là nói bốn tướng đồng nương vào tâm mới được biết đồng thời. Như người trong mộng nói mộng, dần dần biết, hoặc thức giác mới được tỉnh ngộ. Kia là được mất do người, không nên nghi pháp.

Kinh nói v.v... trở xuống là dẫn chứng.

Thí v.v... trở xuống, chuyển sang giải thích chỗ dẫn chứng đều rất dễ hiểu.

Kết thành thí giác. Đã nhân v.v... trở xuống. Có hai:

Thuận dòng giải thích sở giác:

Sở giác tức bất giác. Nhớ các thứ mộng tức phiền não chướng, chuyển đến tướng diệt tức nghiệp chướng.

Ngủ say v.v... trở xuống, tức là báo chướng, chướng ngăn che khác nhau chẳng hay biết, từ vô thí đến nay chưa từng giác ngộ, nên nói là ngủ say. Ba cõi là ý Báo, sáu đường là chánh báo. Trong sáu nẻo này thường qua lại, nên gọi là Thú (đường).

Ngược dòng để nói năng giác:

Nay nhân v.v... trở xuống là đứng về mặt ngược dòng để nói năng giác. Năng giác tức thí giác, có hai:

Nói về nhân duyên khởi giác:

Bản giác huân, là nhân bên trong huân. Năng lực giác thâm huân sâu kín không thể lường, gọi là không thể nghĩ bàn. Bản giác là thể huân khiến chán cầu là dụng, đây là thể dụng bên trong nhân.

Lại nhân v.v... trở xuống là nói năng lực huân của duyên bên ngoài. Chân như là thể, chỗ lưu giáo pháp là dụng. Đây là duyên bên ngoài của thể dụng. Nhiếp luận dịch vào đời Lương nói: “Từ Pháp giới thanh tịnh xuất phát ra chánh thể, trí chánh thể này lưu xuất ra trí hậu

đắc, trí hậu đắc lưu xuất ra tâm đại bi, tâm đại bi lưu xuất mười hai phần giáo”. Pháp giới thanh tịnh tức là chân như. Y cứ nơi gốc mà nói, nên nói chân như lưu xuất ra giáo pháp.

Văn huân: do văn tuệ huân được chân, lưu xuất giáo, ngược lại nhờ tánh giác khiến kia có sức lực, là bản giác lưu xuất giáo pháp, trở lại là huân mà bản giác.

Hiển giác khởi công dụng:

Do thể v.v... trở xuống, hiển giác khởi công dụng. Tức chỉ cho năng lực huân trong ngoài ở trước, sinh khởi thí giác. Thể đồng tức thể duyên bên ngoài cùng thể nội nhân không hai tướng, tức chân như đồng bản giác. Dụng dung khắp tức bên ngoài duyên giáo pháp và bên trong chán cầu, hai tướng thông hòa, chẳng chống trái nhau.

Lãnh thọ văn huân, chính hiển bày tướng đồng dung thông, nếu không đồng dung thông tức không lãnh thọ, do kia lãnh thọ nên hai tăng ích bên trong huân tập tánh giác, khởi hiểu về thí giác, sức hiểu biết tăng, sức vô minh yếu kém, được ngược dòng dần dần hướng về nguồn tâm.

Thử dứt tướng diệt v.v... trở xuống là nói về nghĩa dần dần hướng về. Từ địa vị Sơ Tín dứt làm ác, kế đến nói ngã không, dần dần dứt pháp chấp giác đến bốn thức rõ tột tướng sinh, tư trần đã hết, chỉ còn giác chiếu. Nên nói sáng rõ đại ngộ. Tức mộng vô minh dứt thành giác rất ráo.

Giác liễu, v.v..., nguồn tâm thường lặng, vốn tự bất động, tướng động đã không đối lại cái gì hai mà nói là Tịnh? Sau nói: “Giác tâm mới khởi, tâm không có tướng ban đầu”. Lại nói: “Thí như người lầm phương Đông cho là phương Tây, thật chẳng chuyển đổi, v.v...”

Bình đẳng: tâm không hai tướng trở lại nói tướng bình đẳng cũng lại bình đẳng, hoặc tức gốc ngọn bình đẳng, tự tha bình đẳng. Tóm lại, các pháp đối đãi thảy đều bình đẳng.

Như kinh v.v... trở xuống, tức kinh Hoa Nghiêm chép: “Thí như người nằm mộng, thấy có người bị té xuống sông lớn, vì muốn cứu người nên phát tâm mạnh mẽ, tìm cách vớt họ lên. Do tìm cách nên liền thức giấc. Đã thức giấc rồi thì những việc xảy ra trong mộng đều dứt, Bồ-tát cũng như vậy. Thấy chúng sinh thân ở trong bốn dòng, vì cứu độ nên phát tâm mạnh mẽ, rất mực tinh tấn. Do tinh tấn mạnh mẽ nên đến được Bất động địa. Đã đến đây rồi tất cả đều dứt, hành tướng và hạnh tướng đều chẳng hiện ở trước.

Ý kia, nói Bồ-tát này từ có tướng vô công dụng, nhập địa vị vô

tướng vô công dụng, được Vô sinh nhẫn, chẳng thấy ta và chúng sinh, Bồ-đề, Niết-bàn. Hai hành đều dứt vì được pháp vô phân biệt. Nay đây ở địa vị rốt ráo, Thỉ giác đồng bản không có tướng để giác, bình đẳng bình đẳng. Địa vị tuy khác nhau mà đại ý chẳng khác, nên nói đại ý như đây.

- **Giải thích riêng:** Kế đến là chín v.v... trở xuống. Văn có hai:

Chỉ bày: Xem văn sẽ biết.

Chính giải thích. Luận có bốn:

Tướng chung:

Gạn hỏi tướng, ý hỏi: Rốt ráo và chẳng rốt ráo, giác về nhân pháp nghĩa ấy thế nào? Do theo văn nêu chung mà gạn khởi. Thập Tín tức ngoại phạm phu. Hễ nói phạm phu là chung cả Địa tiền. Nay đây đã dứt ác, chẳng phải người mê mờ điên đảo chưa giác ngộ phiền não. Lại, chẳng phải Thập trụ trở lên, chính là ở trong nhóm Bất định, nên nói Thập Tín.

Tướng sở quán:

Chỗ quán tướng. Số: Chưa nhập v.v... trở xuống là nói chỗ giác tướng diệt chưa nhập địa vị tín. Khi mê mờ điên đảo làm các việc chỉ là theo ác. Thân có ba việc: sát, đạo, dâm; Miệng có bốn điều ác: Nói dối, nói thêu dệt, nói lời độc ác, nói hai lưỡi. Chẳng rõ nghiệp này thì nhất định chiêu quả khổ, do chẳng biết nên làm ác lấy lừng. Đây là không biết nhân quả, không biết tội phước.

Nay nhập v.v... trở xuống là nói về công dụng năng giác. Tin nghiệp duyên thiện ác, thọ báo tốt xấu như tiếng vang, như bóng theo hình, thì sẽ không sai lầm.

Giác tướng diệt: Mới biết họa của tướng này, như văn luận. Chỉ nói giác biết khởi ác mà không nói tướng diệt, nên số đối lại.

Nói về lợi ích: Số Chẳng làm ác v.v..., niệm trước tuy khởi chỉ là mê lầm, sau dừng chẳng sinh hoàn toàn chẳng phải nghiệp đạo. Đất ý đã dừng tức thân miệng ý chẳng làm.

Kết quán: Số Hay biết v.v..., chỉ biết nghiệp thiện ác không mất, chẳng biết không ngã không tạo, do đó tuy giác mà tức là bất giác. Ngay địa vị này sau sẽ giải thích. Địa vị sau đã biết mê lầm, địa vị này chỉ biết ở nghiệp. Mê lầm và nghĩa giác đối ngược thể tướng, nghiệp và thỉ giác vẫn chẳng trái ngược, nên chỉ gọi là Dừng.

Dị tướng:

Năng quán

Số: Thập giải, là tên khác của Thập Trụ. Kia gọi là phát tâm, đây

gọi là phát ý, danh nghĩa đều đồng. Một chữ Đẳng ý bao gồm Cửu trụ và hành tướng, nên nói sau.

Lưu hoặc: hàng phục mà chưa dứt nên chẳng chứng, mục đích là lợi sinh. Nghĩa là vị Bồ-tát này nhận được cái chân thật sẵn có, đạt vọng vốn không, thuận theo chân như, tu Duy Thức quán, hàng phục cả hai chướng, không khởi hiện hạnh, chỉ lưu lại hạt giống. Nếu theo tông Pháp Tướng, do năng lực nhỏ nhiệm của Chỉ Quán, chẳng dứt phiền não. Nếu theo kinh Niết-bàn thì Bồ-tát Địa Tiền nương giáo khởi hạnh không thể nghĩ bàn, nghiệp tướng chẳng khởi. Do năng lực bi nguyện tự giúp, hoặc nhuận nghiệp thọ thân sinh tử giáo hóa sáu đường, chính là ở nghĩa này. Hoặc Duy Thức nói: “Sơ địa trở lên sức bi của Bồ-tát thêm lớn, có nghĩa lưu hoặc”. Nay trong số này ở địa vị Tam hiền mà luận lưu hoặc, đây là thật giáo của Bồ-tát Tông Pháp Tánh. Căn tánh lành lợi lúc mới phát tâm liền hay đốn liễu bốn tánh, đạt vọng thể không, thuận tánh tu hành các Ba-la-mật, thú hưởng về lý mau chóng, đối với mê hoặc được tự tại, nên đối với hành Tam hiền gọi là Lưu.

Được tự tại: nhập vào quán này hàng phục mê hoặc, dụng quán bằng nhau nên đồng một vị.

Hỏi: Vì sao văn luận không nói thẳng Nhị thừa mà nói quán trí là nghĩa gì?

Đáp: Do Nhị thừa nghiêng về quán nhân không, Bồ-tát quán cả hai đều không, mà phân biệt đại tiểu. Nay chỉ ở dụng nhân không mà quán, là nói chỗ đồng được hợp luận. Đây chỉ đối với lực dụng quán trí phần đồng với Bồ-tát, mà chẳng hoàn toàn đồng, như nói thẳng Nhị thừa e thành lầm lỗi, ở đây chẳng đồng mà đồng nên nói quán trí.

Sở quán:

Sở: Hai thứ, là chấp thủ kế và danh tự tướng.

Phân biệt: đối với thân chấp ngã, ở ngoài chấp sở. Trong đó bao gồm đầy đủ trọn sinh phân biệt, nên nói kiến ái. Tuy nhiên, trong sáu căn bản trừ ngã kiến là kiến hoặc, ngoài ra đều là ái, như thường thấy trong luận.

Ở đây hai, tức Nhị thừa, Tam hiền đồng giác tướng này, đều rõ biết ngã chấp.

Nói về bốn v.v... trở xuống: nói về nhân duyên phát khởi dị tướng sở giác. Nghĩa là lúc trí chưa khởi niệm vô minh hòa hợp với dị tướng, khởi các phiền não lầy lừng chẳng dừng, khác với cái biết của bất giác.

Mà nay v.v... trở xuống là nói công dụng năng giác. Nghĩa là trong

niệm vô minh, mới hiểu rõ niệm thô nên nói giác sâu kín, là nghĩa khác trong niệm giác.

Lợi ích: Sớ Đã khác v.v... đối với vô minh đúng như lý chiếu soi rõ thể của nhân ngã không có được gì nên nói niệm không có tướng khác. Đây là nghĩa ngã không.

Kết quán: Luận Do xả, Văn này có hai thứ: Một là kết quán, hai là giải thích ở trước, nêu hai tướng ở sau nên biết.

Sớ Do nơi v.v... do giác ngã không nên không khởi phiền não ngã chấp, nên nói xả phân biệt thô, v.v...

Mà vẫn, v.v... do chưa thể giác được pháp chấp, đây chính là nói Nhị thừa, Tam hiền đều gọi là Tương tự giác.

Do đây v.v... trở xuống, là giải thích nguyên do, Bồ-tát chưa chứng phần bốn là tự Nhị thừa đối với thừa gọi là Nhập chứng. Do hướng về Đại thừa chỉ được Ngã không, chưa chứng Pháp không, cũng gọi là chưa chứng, nên đồng tướng tự giác. Đây là hướng về Sơ địa chứng chân, nên gọi là tương tự. Trong phần hỏi dẫn chứng ở trước làm lời vặn hỏi rất dễ hiểu. Trong phần đáp, trước là buông.

Nếu v.v... trở xuống, là đoạt, nghĩa là nương giác mà có bất giác, bất giác là mê hoặc, bất giác cũng giác là đối lại với mê hoặc, chuyển y bất giác mà tạo nghiệp. Nghiệp và nghĩa giác cách nhau một lớp, nên chẳng đối nghịch. Do đối nghịch nên gọi là tương tự giác, chẳng đối nghịch nên gọi là Bất giác. Kia giống như gương bụi để trong hộp, hộp và gương chẳng đối nghịch, nghĩa này cũng rõ.

Tương trụ. Có bốn:

Năng quán: Sớ sơ địa v.v..., nghĩa là Bồ-tát Thập địa đều chứng chân như, nương pháp chân như làm tự thể, gọi là Bồ-tát Pháp thân thừa Thập địa mãn tâm liền thành Chánh giác, trong đây chỉ nêu trước Cử địa.

Sở quán: Luận nói Giác niệm trụ v.v..., do Bồ-tát này ở trong niệm vô minh, thứ lớp giác bốn thứ tướng Trụ. Nghĩa là Sơ địa giác tướng tục, Nhị địa đến Thất địa, giác tướng trí, Bát địa giác tướng hiện, Cửu địa giác tướng chuyển. Bốn tướng này gọi là Trụ, nên nói giác ở Niệm trụ.

Lợi ích: Sớ Tuy biết v.v..., ý nói địa này nối nhau tuy mất, Nhị địa đến Lục địa tướng trí vẫn còn, tại quán thì không xuất khỏi quán trở lại có. Tuy nhiên chẳng cố ý mà mặc tình như thế. Do đó đều sinh mê hoặc tu đạo. Nay luận nói không có tướng Trụ, chỉ đứng về mặt khi ở quán và địa vị sau mà nói. Lại cũng có thể văn này bỏ hành tướng Địa tiền mà nói. Ý nói khi ở Địa tiền tín giáo tu quán, biết tất cả pháp chỉ

là thực hiện, không khởi niệm thô phân biệt chấp trước. Đây tức đã lia tướng dị ở trước, nhưng chưa thân chứng pháp không. Đến sau khi xuất quán mà đối với pháp nhiệm tịnh, còn khởi pháp chấp phân biệt, tức là tướng tương tục. Nếu đến Sơ địa thân chứng cảnh giới duy tâm, xa lia hai chấp phân biệt phiền não, tướng giác nối tiếp cho đến thấy tướng Niệm không có tướng Trụ.

Nay luận không có tướng Trụ, chỉ chung cho địa vị sau mà nói.

Nói kia v.v... trở xuống, là nói nhân duyên sinh khởi tướng trụ sở giác. Nghĩa là khi chưa giác niệm vô minh hòa hợp với tướng trụ này vững chắc, mà trụ rồi không sửa đổi.

Nay cùng v.v... trở xuống, là nói công dụng của năng giác. Nghĩa là đối với niệm vô minh chiếu soi pháp ngã và năng sở, tâm cảnh, có không, đạo lý, rõ ràng không tự thể, tức huyền tâm phân biệt thành trí vô phân biệt, nên nói niệm không có tướng trụ.

Kết quán: Số Khác trước v.v..., là phân biệt trước sau khác nhau. Trước nói “phân biệt chấp trước thô”, nay chỉ nói: “phân biệt” nên khác trước. Sau nói: “Niệm nhỏ nhiệm”, nay nói: “Niệm thô”, nên khác sau.

Bốn tướng này v.v... trở xuống là nói trước Cửu địa, chỗ giác bốn thứ tướng trụ nhiều ít khác nhau, như ở trước phối hợp. Ở đây Bồ-tát do đối với niệm vô minh đều phần kia, dùng sức thị giác lia bốn tướng trong niệm này. Nhưng trước lia sau, sau gồm lia trước. Nay ý riêng mỗi thứ chỉ có một tướng. Văn sau tức trong nghĩa sáu nhiệm nhân duyên sinh diệt, giải thích rộng như kia.

Ngủ mê trong tướng sinh: nay lại đối với ý chung mà chỉ tướng sinh. Nếu nói theo biệt thì Sơ địa còn bốn tướng trí, v.v..., Nhị địa đến Thất địa là ba tướng hiện, v.v..., Bát địa chuyển sinh hai tướng, Cửu địa sinh một tướng. Do đó theo trí lực kia chỗ giác nhiều ít khác nhau, nên gọi là Tùy phần.

Tướng sinh:

Năng quán

Số Học tốt, Thập địa mãn tâm là địa vị hữu học tốt cùng.

Đạo phương tiện: là phương tiện chứng quả Phật, muôn hạnh đã viên mãn nên gọi là Viên mãn, ở đây nói về hạnh mãn.

Đạo Vô gián: từ đây tương ứng thường không xen hở, con đường-không đứt quãng, bên trong lấy đây làm chỗ ban đầu, nên luận nói nhất niệm. Đây là niệm của vô niệm, cũng tức một niệm thị giác hợp bốn. Đây nói về trí viên mãn. Đối với pháp luận nói: Đạo rất ráo, nghĩa là

định kim cương dụ. Đây có hai thứ là: thuộc phương tiện đạo và thuộc Vô gián đạo. Nhưng theo văn của luận thường nương chỗ phối hợp, tức hai câu này là nêu vô gián giải thoát. Do dứt đường vô gián, chứng đường giải thoát.

Từ giác tâm v.v... trở xuống, đến lìa niệm sâu kín, là giải thích con đường Vô gián.

Được thấy tâm tánh v.v... trở xuống, là giải thích con đường giải thoát. Xem văn sẽ hiểu.

Sở quán: Luận Giác tâm sơ khởi là Thủ giác. Giác tướng mới khởi của tâm thể kia tức là tướng sinh, khởi là sinh.

Lợi ích: Sở Căn bản v.v... trở xuống là nói chỗ khởi nhân duyên sinh tướng sở giác. Nghĩa là lúc mê từ vô thủy, căn bản vô minh chuyển tịch khiến động, vi tế tối sơ gọi là tướng sinh. Do hòa hợp với vô minh nối nhau chẳng diệt, dẫn đến chấp trước thô. Khởi mê làm tạo nghiệp trôi lăn vô cùng. Địa vị trước tuy giác tướng thô, đến địa vị này niệm nhỏ nhiệm mới hiện.

Nay chính v.v... trở xuống là nói công năng của năng giác. Nghĩa là trong tâm chân tịnh chiếu soi năng khởi, có không, đạo lý ở trong tâm tịnh rõ không thật có. Tâm thể chân tịnh vốn tự bất động, nên nói xưa nay vắng lặng. Do vốn vắng lặng nên không có tướng ban đầu. Đây tức Thập địa Trụ tâm vẫn có niệm sâu kín, cho đến mãn tâm mới không có niệm sâu kín.

Giống như v.v... trở xuống là ví dụ nói có thể thấy.

Ba tướng v.v... trở xuống là đối với trước nói có khác. Tuy nhiên, địa vị giác nghiệp không đáng luận bàn. Vả lại, trong địa vị thứ ba có một tướng chưa cùng tận. Đã ở trong niệm, giác niệm, chưa được nói tâm, chỉ ở trong niệm vô minh không có tướng trụ. Ở đây chỉ tột cùng tâm thể rỗng rang, chỗ còn chân tịnh, không còn có pháp nào khác, nên đặc biệt nói tâm.

Kết quán: Sở Trong niệm rất sâu kín, văn sau nói: “vô minh luân tập khởi thức, cho đến Bồ-tát địa rốt ráo không thể biết tột cùng, chỉ Phật mới rõ cùng tột.

Tướng sinh: phối hợp thuộc trong bốn tướng. Do ở chín tướng là nghiệp, đối với bốn tướng gọi là Sinh. Nay ở địa vị bốn cần phối hợp vào. Lại vì trong luận không có tướng sinh, như địa vị phạm ở trước cũng không nói tướng diệt, sơ cùng phối hợp:

Tướng này v.v..., ở trước trong các địa vị chỉ nói vì xả, vì ly v.v... mà không có chữ Viễn (xa), nay do nghiệp tướng rất sâu kín, lại không

có chỗ nhỏ nhiệm làm tướng gốc này. Đã giác liễu lại không sót thừa, mới xứng nghĩa xa lìa.

Chân tánh hiện: do vọng che nên chân tánh chẳng hiện. Do chẳng hiện nên không thấy tánh. Nay đã lìa vọng, tánh liền hiện tiền, do hiện tiền nên được thấy tánh.

- Đối trước nói khác:

Ba tướng trước v.v... trở xuống là đối với trước nói có khác. Sau nói “Tất cả chúng sinh chẳng gọi là giác, vì từ xưa đến nay không hề lìa niệm. Đã có niệm thì niệm là chỗ chướng, đâu được nói thấy tâm tánh!”. Kinh Nhân Vương nói: “Trước từ Phục Nhãn đến Đảnh Tam-muội, chiếu nghĩa đệ nhất chẳng gọi là thấy”. Cái gọi thấy là Tát- Bà-Nhã. Ba tướng trước trở xuống, là trình bày địa vị trước. Nghiệp thức là gốc sinh diệt, trước chưa lìa thì đâu thể gọi là thường trụ.

Nay sinh v.v... trở xuống, là nói về địa vị này. Trước chỉ trong mộng biết mộng, nay mộng niệm đều dứt cho là Đại giác, mới gọi là thường trụ. Luận Phật Địa nói: “Như giác đại mộng”, tức là nghĩa này.

Luận: Giác rốt ráo: đây là tổng kết tên gọi. Có năm nghĩa gọi là rốt ráo. Một là: Đoạn cứu cánh, tức lìa bỏ niệm vi tế ở trước, hai là: Chứng cứu cánh, tức thấy tâm thường trụ đều là hạnh mãn trí viên ở trước, nên thành bốn. Bốn việc đã đầy đủ, tức địa vị cứu cánh, là ở trước nói Bồ-tát địa tận.

Trước chưa v.v... trở xuống, tức trình bày địa vị trước. Đã nói mong đến thì biết chưa đến.

Nay tức v.v... trở xuống, là nói địa vị này có thể biết, lại không còn chỗ tiến nên gọi là rốt ráo, nhưng bực Thập địa mãn tâm và Đẳng giác, Diệu giác, nói nghĩa chia làm ba. Nếu tột thể kia thì không có ba khác nhau. Cho nên văn này và ở sau hướng về nhau xuất phát lẫn nhau chẳng nhất định. Trong đây dứt bốn tướng, chỉ nói Bồ-tát địa tận dứt ở tướng sinh lại là rốt ráo. Như trong văn sau nói: “Vô minh này khởi thức, cho đến Bồ-tát địa rốt ráo chẳng thể biết hết, chỉ có Phật mới rõ tột”. Lại nói: “Căn bản nghiệp nhiễm y nơi Bồ-tát địa tận được vào địa Như Lai, mà hai xa lìa, lại không rõ pháp “Nghĩa giới”, từ Tín địa tương ưng quán sát hoặc dứt, cho đến đất Như Lai hai lìa rốt ráo. Nên biết Thập địa quán tướng sinh, chỉ một sát na giác vô sinh liền là địa vị Phật, nghĩa nói có trước sau. Theo kinh Anh Lạc nói: “Giác thì chiếu tịch, diệu giác thì tịch chiếu”, nay thấy tánh thường trụ tức là chiếu tịch, gọi là rốt ráo giác, tức là tịch chiếu. Đây tức trong một địa vị. Tịch chiếu có hai nghĩa mà phân ra hai giác, chẳng có hai thể.

Dẫn chứng kinh:

Sớ: Ở nhân, do trong nhân chưa thể đích thân quán chân lý vô niệm, chỉ hai quán đạo lý vô niệm. Đây là nói theo Địa tiền, tuy nhiên do vô niệm là địa vị Phật., nên năng quán này trí hướng đến địa vị Phật. Cũng có thể chữ Trí chung đối với sở quán, Vậy là hướng về trí Phật. Sau dịch rằng: “Quán tất cả vọng niệm vô tướng là chứng được trí tuệ Như Lai”.

Do đó trở xuống, nói rõ ý dẫn kinh. Trong kinh đã nói quán vô niệm là hướng về trí Phật, nên biết quả Phật quyết định vô niệm.

Đây là v.v ..., chúng sinh là nhân, Phật tức là quả, quán vô niệm tức là nghĩa vọng về, vọng về tức hướng về.

Giải thích lại:

Sớ: Đoạn trên v.v..., nghe nói giác tâm sơ khởi sẽ cho rằng chân tâm thật có chỗ khởi. Nay mới giác, ở đây gọi là giác tướng ban đầu. Nay muốn giải thích ra, nên ở đây viết lại.

Chẳng cho rằng, v.v ..., khi mê cho rằng sở giác vốn không, chỉ là nhất tâm đầu có tướng ban đầu. Đây cũng nêu địa vị trước, đều không có tướng sở tri mới thành.

Biết khác trụ, v.v..., là hỏi: Đã v.v... trở xuống là theo nạn khởi ở trước, là ở sau chỉ bày luận để đáp.

Như giác v.v... trở xuống là đứng về mặt ví dụ để giải thích ý.

Giác tâm v.v... trở xuống là hợp hiển bày văn của luận đều có thể biết.

Nêu mất:

Sớ: Là ở trước v.v... trở xuống là giải thích hai chữ “cho nên”.

Tức hiển v.v... trở xuống là giải thích ngoài văn.

Kim cương đã trở lại, vô gián đạo ở trước các địa vị Bồ- tát cùng các tướng dị sinh, nên nói tất cả.

Chưa lia v.v..., vì niệm tướng sinh dứt mới được gọi là giác, nên biết ba địa vị trước đều gọi là bất giác, huống chi là dị sinh!.

Tuy nhiên v.v... trở xuống, đối lại trước giải thích thành. Do trước nói tùy phần giác và tương tự giác là theo bốn tướng vô minh trong mộng khác nhau, mỗi pháp đồng một tướng mà luận nên có nghĩa giác. Do phân cạn sâu nên có tùy phần riêng. Nay theo vô minh ngủ say tức chẳng riêng biệt đều gọi là bất giác. Mộng tuy có khác nhau mà ngủ say đâu có khác. Vô minh tức tướng sinh.

Ở đây hiển bày v.v ..., hiển bày vô minh tức là chỗ ban đầu của các pháp. Do đó là đều mỗi năm trụ phiên nào, là phần đầu chứa mười

hai nhân duyên.

Nên ở sau nói: “Nên biết vô minh sinh ra tất cả pháp nhiễm”. Đã là năng sinh thì biết không có trước ở đây, kia là vô trí thuộc tha nhiễm, vô minh của vô trí, do y sĩ mà được tên gọi.

Lại vô minh v.v... trở xuống là đứng về mặt đương thể giải thích vô trí. Nghĩa là vô minh này không có mé ban đầu, do nương chân thì vô trí tức vô minh, do trì nghiệp mà được tên. Nên văn sau nói: “Như Lai tạng không có mé trước, tướng vô minh cũng không có cái ban đầu”.

Hiển được:

Sớ: Nếu đến v.v..., đây là trình bày trí giác. Giác đến nguồn tâm tự thấy vô niệm, cũng biết tất cả chúng sinh đều chuyển thành tâm tịnh. Bốn tướng khác nhau, tuy nói biết bốn tướng, cho đến biết chúng sinh đồng là một tâm xưa nay thành Phật. Như kinh Hoa Nghiêm nói: “Lúc Như Lai thành Chánh giác, thấy khắp tất cả chúng sinh đều thành Phật”.

Giải thích rằng..., Phật được vô niệm, biết niệm vốn không, chúng sinh tuy hiện tại ở trong niệm, Phật biết niệm kia cũng tức vô niệm. Đây tức Phật vô niệm và chúng sinh có niệm, nghĩa giống nhau, nên nói đồng nhau. Do niệm tức vô niệm, được vô niệm kia, mới biết niệm bốn tướng. Đây tức chúng sinh và Phật hưởng về nhau mà nói các nghĩa.

Lại giải thích v.v... trở xuống, bốn tướng hưởng về nhau để rõ các nghĩa. Ý nói bốn tướng đều là chuyển tâm tịnh kia được thành tự. Chỗ thành tự bốn tướng đã mỗi tướng không có tự thể, đâu chẳng tức là một tâm tĩnh ư! Tâm tĩnh tức vô niệm, đã mỗi tướng đều tức vô niệm, cho nên bình đẳng. Do bình đẳng nên được vô niệm, mà biết như trong một hạt châu hiện bốn sắc tượng, thấy thể của chân hoàn toàn được biết. Nhưng, ở trước có niệm tức vô niệm là nghĩa đồng nhau. Bốn tướng này mỗi tướng đều tức vô niệm, là nghĩa đồng nhau.

Trên đây trước giải thích theo Hải Đông sớ, y vào đại luận giải thích nghĩa là đứng về mặt tốt nguồn tâm, do đã được vô niệm thì biết tất cả chúng sinh, sinh trụ dị diệt. Tuy nhiên, y cứ văn của luận chỉ nói biết tướng tâm, lại không nói chúng sinh. Nay y cứ thẳng vào văn của luận, lại giúp giải thích một phen. Nghĩa là khi được vô niệm này, đã biết tướng ban đầu không chỗ khởi, thượng tự nhất tâm xưa nay vô niệm. Do đó biết bốn tướng đều rõ ràng tức là nhất tâm. Tướng của tâm vốn không hề khởi, chẳng cho rằng có riêng sinh trụ dị diệt từ tâm mà khởi. Vì sao? Do mỗi tướng đều đồng, tướng ban đầu tức là vô niệm, nên nói do vô niệm, v.v... Vô niệm chỉ là một, nên nói giống nhau. Kế đến văn

nói: “Bốn tướng đồng thời cùng nhất giác, nhất giác tức vô niệm”. Sau dịch rằng: “Nếu vọng niệm dứt, thì biết tâm tướng sinh trụ dị diệt, thấy đều là không tướng”, tức phù hợp với giải thích ở đây, người có trí nên xét cho tường tận.

